

Bản án số: 24/2025/ST- DS

Ngày 26/9/2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Hồng Thái và bà Vũ Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: ông Bùi Kim Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2025/TLST – DS ngày 16/6/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 2, Tòa nhà S, số 111 A, phường B, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị H – Chức vụ: Giám đốc THNTT và XLN Vùng.

* Người được ủy quyền lại:

+ Ông Nguyễn Ngọc Đ – Cán bộ Ngân hàng T.

+ Ông Nguyễn Công Hiếu - Cán bộ Ngân hàng T.

+ Bà Tạ Thu Hằng - Cán bộ Ngân hàng T.

+ Ông Trương Đình Tiến – Cán bộ Ngân hàng T.

+ Ông Nguyễn Văn Giang – Cán bộ Ngân hàng T.

Đều ở địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà C, số 4 T, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là Tầng 4, Tòa nhà C, số 4 T, phường K, thành phố Hà Nội).

2. Bị đơn: ông Chu Văn L, sinh năm 1995 và bà Phạm Thị P, sinh năm 1996. Điều cư trú: Đội 9, thôn P, xã P (nay là Đội 9, thôn P, xã Đ), tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông Chu Văn L, sinh năm 1995 và bà Phạm Thị P, sinh năm 1996. Điều cư trú: thôn P, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn Phú C, xã Đ, tỉnh Hưng Yên) và Ngân hàng T (dưới đây viết tắt là: Ngân hàng), thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 3410640.22 ngày 26/8/2022 (dưới đây viết tắt là: Hợp đồng tín dụng). Theo Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng cho vợ chồng ông L và bà P vay số tiền là 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 96 tháng, kể từ ngày 31/8/2022 đến ngày 30/8/2030; Lãi suất vay: tại thời điểm giải ngân 9,9%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: Lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + Biên độ 3,9%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng/một lần bằng Lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; Trả nợ gốc: vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên 25/09/2022, mỗi kỳ trả 5.208.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; trả nợ lãi: Vào ngày 25 hàng tháng, có tính phí trả nợ trước hạn, mục đích vay để mua xe ô tô, phục vụ mục đích đi lại, nhãn hiệu MAZDA, số loại: 3 15G AT SD BP, biển kiểm soát: 89A – 337.07, theo hợp đồng mua bán xe số 569/2022/PN, ký ngày 30/7/2022 giữa Chu Văn L và Công ty cổ phần ô tô Hyundai Hưng Yên. Trách nhiệm thanh toán: Bên được cấp tín dụng (bao gồm bên vay và bên đồng vay) riêng lẻ và/hoặc liên đới chịu trách nhiệm đến cùng thanh toán toàn bộ các khoản tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của tài liệu vay vốn bằng tất cả các tài sản và thu nhập hiện tại cũng như trong tương lai của bên vay và bên đồng vay mà không kèm theo bất kỳ điều kiện gì. Ngoài ra còn các thỏa thuận khác.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông L, bà P và Ngân hàng đã ký kết Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5736104.22 ngày 28/6/2022 (dưới đây viết tắt là: Hợp đồng thế chấp). Theo hợp đồng thì ông L, bà P thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu: MAZDA, số loại: 3 15G AT SD BP, biển kiểm soát: 89A – 337.07, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 89 000162 do Công an huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 03/08/2022, để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của của ông L, bà P, hiện tại cũng như trong tương lai, đã phát sinh hoặc có thể phát sinh, riêng rẽ hoặc liên đới với bất kỳ nào khác cho Ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn bởi: các khoản nợ gốc, lãi, phí, tiền phạt và các khoản phải trả theo Hợp đồng tín dụng và các văn bản thỏa

thuận khác; các chi phí tổn thất cho Ngân hàng phải gánh chịu, bao gồm cả các chi phí, tổn thất để xử lý tài sản thế chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 30/8/2022 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 500.000.000 đồng vào số tài khoản 1021000292929 của người thụ hưởng Công ty cổ phần ô tô Hyundai Hưng Yên, mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phố Hiến, theo đơn đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số 3410640(1).22 ngày 26/8/2022 của ông L, bà P.

Sau khi vay vốn của Ngân hàng vợ chồng ông L, bà P đã thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền, tạm tính đến ngày 24/12/2024 số tiền là 130.279.970 đồng tiền gốc và tiền lãi là 115.102.030 đồng. Kể từ ngày 25/12/2024 đến nay ông L, bà P không thanh toán trả tiền gốc lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Ông L, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc nhiều lần để vợ chồng ông L, bà P trả nợ nhưng ông L, bà P hiện không trả nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 24/9/2025, ông L và bà P còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền là 444.695.452 đồng, trong đó: nợ gốc: 369.720.030 đồng; nợ lãi trong hạn: 20.728.254 đồng; lãi quá hạn là: 39.531.088 đồng.

Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông L, bà P phải hoàn trả số tiền tạm tính đến ngày 25/8/2025 là 437.687.795 đồng (trong đó nợ gốc là 369.720.030 đồng; nợ lãi là 20.728.254 đồng; lãi quá hạn là 54.247.168 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 25/09/2025 cho đến khi trả hết khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông L, bà P không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại 01 xe ô tô nhãn hiệu: MAZDA, số loại: 3 15G AT SD BP, biển kiểm soát: 89A – 337.07, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 89 000162 do Công an huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 03/08/2022 (“TSTC”) theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông L, bà P vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng. Ông L, bà P phải chịu án phí và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn là ông Chu Văn L và bà Phạm Thị P vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho bố đẻ ông L là ông Chu Văn H và thông báo cho ông L biết việc Tòa án thụ lý vụ án và giao các văn bản tố tụng. Cụ thể:

Tại gia đình ông Chu Văn H, bà Nguyễn Thị L (là bố mẹ đẻ ông L), thông qua số điện thoại của ông H là 0377452784 đến số điện thoại của ông L là số 0374081955, có sự chứng kiến của ông H, bà L và ông Nguyễn Văn N – Trưởng thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Qua điện thoại ông L xác định ông và

bà P đang làm ăn ở Hà Nội, Thẩm phán đã liên hệ với ông L và thông báo cho ông L những văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý; Thông báo về việc đến Tòa án; Quyết định xem xét thẩm định đối với tài sản thế chấp; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Qua làm việc với ông L, ông L cũng thừa nhận việc vợ chồng ông có vay tiền của Ngân hàng, số nợ còn lại như Ngân hàng yêu cầu khởi kiện và tài sản thế chấp là đúng. Ông sẽ bố trí đến Tòa án làm việc theo như các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho ông. Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô hiện nay đang sửa tại Sài Gòn, khi nào sửa xong ông sẽ mang về và thỏa thuận với Ngân hàng. Ông xác định ông đi làm ăn, ông đề nghị Tòa án giao những văn bản tố tụng cho bố mẹ ông nhận hộ để vợ chồng ông thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, ra thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L, bà P không đến Tòa án làm việc; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

** Lời khai người làm chứng ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị L (là bố mẹ đẻ ông L) trình bày:* Việc ông L, bà P vay tiền Ngân hàng ông bà không nắm rõ. Sau khi ông L và bà P kết hôn và sinh con được mấy tháng thì xin đi thuê nhà và ở riêng để làm ăn, ông bà cũng không biết rõ địa chỉ của ông L, bà P, thỉnh thoảng ông L và bà P liên hệ với ông bà qua điện thoại, cũng ít về nhà. Ông bà cam kết sẽ nhận những văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho ông L, bà P biết, để ông L, bà P thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

** Biên bản xác minh tại Công an xã Đức Hợp cung cấp:* ông Chu Văn L, sinh năm 1995 và bà Phạm Thị P, sinh năm 1996, thể hiện trên cơ sở dữ liệu dân cư ông L, bà P có nơi đăng ký thường trú tại thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên, không thể hiện ông L, bà P có đăng ký tạm trú ở địa phương cụ thể nào khác. Hiện nay ông L, bà P không có mặt tại địa phương, Công an xã không nắm được hiện nay ông bà đi đâu làm gì và ở đâu.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án như: Tiến hành lập hồ sơ vụ án; Thụ lý đúng thẩm quyền; Xác định chính xác quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật; Việc xác minh, thu thập chứng cứ khách quan đúng theo quy định; Ra thông báo thụ lý vụ án, ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn theo quy định, gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu, gửi, giao các thông báo, quyết định cho những người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định, nhiều lần vắng mặt không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Đề nghị HĐXX Điều 116, 274, 275, 280, 295, 299, 317, 318, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

+ Buộc ông Chu Văn L và bà Phạm Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng T, toàn bộ số tiền là 444.695.452 đồng (trong đó nợ gốc là 369.720.030 đồng; nợ lãi là 20.728.254 đồng; lãi quá hạn là 54.247.168 đồng) và toàn bộ khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi ông L, bà P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 3410640.22 ngày 26/8/2022.

+ Trường hợp ông L, bà P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T, có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu: MAZDA, số loại: 3 15G AT SD BP, biển kiểm soát: 89A – 337.07, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 89 000162 do Công an huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 03/08/2022 (“TSTC”) theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5736104.22 ngày 28/6/2022 để thu hồi nợ trả Ngân hàng T.

Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản đảm bảo trên không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ thì ông Chu Văn L và bà Phạm Thị P vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng T.

Về án phí: buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả Ngân hàng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Chu Văn L và bà Phạm Thị P, địa chỉ: thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên phải thanh toán trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Về việc vắng mặt của đương sự: bị đơn là ông Chu Văn L và bà

Phạm Thị P đã được Tòa án thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập hợp lệ đến phiên toà cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông L, bà P đều vắng mặt tại phiên toà không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Xét Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông Chu Văn L, bà Nguyễn Thị P: Hợp đồng tín dụng đã tuân thủ các quy định của Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự và các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã giải ngân cho ông L, bà P theo đúng cam kết. Đến ngày 25/12/2024, ông L, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần việc trả nợ nhưng ông L, bà P không trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết buộc ông Chu Văn L và bà Nguyễn Thị P phải thanh toán trả số tiền nợ gốc là 369.720.030 đồng; nợ lãi kể từ ngày 25/12/2024 đến ngày 24/9/2025, lãi trong hạn là 20.728.254 đồng và lãi quá hạn là 54.247.168 đồng, tổng số tiền là 444.695.452 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2025 cho đến khi tất toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng, là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông L, bà P phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi trên.

2.2. Xét Hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng, ông L, bà P đã thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu: MAZDA, số loại: 3 15G AT SD BP, biển kiểm soát: 89A – 337.07, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 89 000162 do Công an huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, cấp ngày 03/08/2022, tên chủ xe ông Chu Văn L, theo hợp đồng thế chấp giữa ông L và bà P với Ngân hàng. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp đã bảo đảm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch theo quy định tại các Điều 116, 117, 119, 317 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

Ngày 25/8/2025 Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên đã ra quyết định xem xét thẩm định đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu: MAZDA, số loại: 3 15G AT SD BP, biển kiểm soát: 89A – 337.07, Giấy

chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 89 000162 do Công an huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 03/08/2022. Do ông L, bà P hiện đang quản lý, sử dụng tài sản trên và vắng mặt tại buổi xem xét thẩm định, tài sản xem xét thẩm định không có tại địa phương nên Tòa án đã không tiến hành xem xét thẩm định được đối với tài sản thế chấp.

Ngân hàng đề nghị trường hợp ông Chu Văn L và bà Phạm Thị P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cho kê biên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu: MAZDA, số loại: 3 15G AT SD BP, biển kiểm soát: 89A – 337.07, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 89 000162 do Công an huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 03/08/2022 cho ông Chu Văn L, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải để thu hồi nợ. Nếu tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông L, bà P phải tiếp tục thực hiện trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng. Xét thấy, đề nghị của Ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm trên phù hợp với sự thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải, Hợp đồng tín dụng và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông L, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều Điều 116, 117, 119, 274, 275, 280, 292, 293, 295, 299, 317, khoản 1 Điều 357, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; khoản 14 Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 91, 95 của [Luật Các tổ chức tín dụng](#); Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc ông Chu Văn L và bà Phạm Thị P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T các khoản nợ gồm: nợ gốc là 369.720.030 đồng; nợ lãi là 20.728.254 đồng; lãi quá hạn là 54.247.168 đồng, tổng số tiền là 444.695.452 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2025 cho đến khi ông L và bà P thanh toán trả nợ

xong khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 3410640.22 ngày 26/8/2022 được ký kết giữa Ngân hàng T và ông Chu Văn L và bà Phạm Thị P.

Trường hợp ông Chu Văn L và bà Phạm Thị P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T, có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: MAZDA, số loại: 3 15G AT SD BP, biển kiểm soát: 89A – 337.07, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 89 000162 do Công an huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, cấp ngày 03/08/2022, tên chủ sử dụng: ông Chu Văn L, theo hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5736104.22 ngày 28/6/2022 được ký kết giữa Ngân hàng T và ông Chu Văn L, bà Phạm Thị P, để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì ông Chu Văn L và bà Phạm Thị P phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 3410640.22 ngày 26/8/2022 được ký kết giữa Ngân hàng T và ông Chu Văn L, bà Phạm Thị P.

Về án phí: ông Chu Văn L và bà Phạm Thị P phải chịu 21.787.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 9.728.000 đồng theo Biên lai thu số 0001812 ngày 16/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên (do ông Trương Đình T nộp thay).

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, người có mặt được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản sao bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 3 – Hưng Yên;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Oanh